

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC PHÁP LUẬT

VŨ ĐỨC HẠNH*

Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, hiện đại, chuyên nghiệp phục vụ Nhân dân, phụng sự Tổ quốc tất yếu đòi hỏi phải có nguồn nhân lực pháp luật có chất lượng và đủ về số lượng. Để đáp ứng được yêu cầu trên, nhân lực pháp luật cần nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ tư pháp vững vàng; có phẩm chất liêm chính, công minh, chuyên nghiệp; có bản lĩnh chính trị, có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; có kiến thức kinh tế - xã hội và kinh nghiệm thực tiễn; tư duy pháp lý mang tính mở, hệ thống, liên ngành; có khả năng tự học và thích ứng nhanh với những biến động của đời sống xã hội và công việc, trình độ ngoại ngữ cũng như các kỹ năng bổ trợ khác.

Từ khóa: Nhân lực pháp luật; chất lượng; đào tạo, bồi dưỡng; kỹ năng; cải cách tư pháp; năng lực; phẩm chất; đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp.

In order to build a clean, strong, democratic, and strict justice system, which is modern and professional enough to serve the People and the Fatherland and protects the justice, it requires the law human resources to have high qualifications and sufficient quantity. As a result, legal personnel need to firmly grasp the guidelines and policies of the Party, and the policies and laws of the State; to have solid professional knowledge and judicial skills; to have integrity, justice and professional qualities; to have political bravery, ethics and professional responsibility; to have socio-economic knowledge and practical experience; to have open, systematic and interdisciplinary legal mindset; to be able to learn and adapt quickly to the fluctuations of social life and work; and to possess foreign language proficiency as well as other complementary skills.

Keywords: Law human resources; quality; training, retraining; skills; judicial reform; capacity; quality; ethics and professional responsibilities.

NGÀY NHẬN: 11/8/2023

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 12/9/2023

NGÀY DUYỆT: 10/10/2023

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.333.2023.651>

1. Đặt vấn đề

Thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hội nhập quốc tế thì “chất lượng nhân lực pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật cần phải được tăng cường một cách toàn diện và nâng cao hơn nữa về chất lượng”¹. Đảng đã xác định: “Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ,

nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ Nhân dân, phụng sự Tổ quốc...”², do vậy, cần “tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo cử nhân luật, đào tạo cán bộ nguồn của các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp... Xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí

* TS, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật. Xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn về đào tạo cán bộ tư pháp”³.

Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cho thấy, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp đã đạt được nhiều kết quả rất quan trọng, song bên cạnh đó, cũng còn nhiều bất cập, hạn chế, vướng mắc. Cụ thể, chưa có quy hoạch tổng thể các cơ sở đào tạo luật, đầu tư xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu Nghị quyết số 49-NQ/TW đề ra; trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ tư pháp còn hạn chế, trình độ ngoại ngữ, kiến thức pháp luật quốc tế chưa được cập nhật thường xuyên; đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp còn thiếu, đội ngũ chuyên gia đầu ngành; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao còn nhiều bất cập nên năng lực của cán bộ tư pháp chưa đủ sức giải quyết những vấn đề pháp lý đặt ra trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Xuất phát từ những chủ trương, yêu cầu của Đảng và Nhà nước về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn mới, đồng thời, từ thực trạng chất lượng nguồn nhân lực pháp luật và công tác đào tạo nguồn nhân lực pháp luật trong thời gian qua, đã cho thấy rằng, việc tập trung vào nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật, năng lực đào tạo chuyên ngành Luật trình độ đại học tại Việt Nam và đưa ra một số giải pháp bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực pháp luật, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp là một nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết.

2. Nhu cầu về chất lượng nguồn nhân lực pháp luật và đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Luật ở Việt Nam hiện nay

Nhu cầu nguồn nhân lực pháp luật cho phát triển kinh tế - xã hội đất nước, phục vụ

yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và yêu cầu hội nhập quốc tế của Việt Nam trong giai đoạn mới đòi hỏi phát triển cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt là phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, chất lượng cao ngành Luật. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, đã xác định một trong những nhiệm vụ cải cách tư pháp đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới là nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực tư pháp.

Chất lượng nguồn nhân lực pháp luật cần đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn mới, khi Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế và việc phát triển nền kinh tế số hiện nay. Do đó, các yêu cầu về đào tạo nguồn nhân lực pháp luật có những đặc thù riêng. Bên cạnh đáp ứng các chuẩn kiến, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm theo Khung năng lực quốc gia Việt Nam ở trình độ đại học, nguồn nhân lực pháp luật còn cần:

(1) Nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng; có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ tư pháp; có phẩm chất liêm chính, công minh, chuyên nghiệp; có bản lĩnh chính trị, có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có kiến thức kinh tế - xã hội và kinh nghiệm thực tiễn.

(2) Có tư duy pháp lý mang tính mở, hệ thống, liên ngành, có khả năng tự học và thích ứng nhanh với những biến động của đời sống xã hội và công việc, có năng lực ngoại ngữ và các năng lực bổ trợ khác.

Các cơ quan tư pháp đã ban hành bộ quy tắc về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ tư pháp. Quyết định số 2659/QĐ-BTP ngày 03/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp. Tiếp đến, ngày 04/7/2018, Chánh án

Tòa án nhân dân tối cao đã ký ban hành “Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán”. Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ký Quyết định số 21/QĐ-VKSTC ngày 07/02/2023 ban hành Quy tắc chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người cán bộ Kiểm sát; Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư số 27/2017/TT-BCA ngày 22/8/2017 quy định về quy tắc ứng xử của Công an nhân dân...

Những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người cán bộ tư pháp được quy định trong các văn bản pháp luật nêu trên cần được đưa nội dung đào tạo nguồn nhân lực pháp luật, bảo đảm người học sau khi tốt nghiệp phải có kiến thức và hình thành phẩm chất đạo đức nghề luật nói chung và đạo đức của người cán bộ làm công tác tư pháp nói riêng.

3. Thực trạng công tác đào tạo cử nhân ngành Luật ở Việt Nam hiện nay

Cơ sở đào tạo luật đầu tiên của Việt Nam được thành lập vào năm 1976 là Khoa Pháp lý thuộc Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Năm 1979, Khoa Pháp lý đã sáp nhập với Trường Cao đẳng pháp lý thuộc Ủy ban Pháp chế của Chính phủ để hình thành nên Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội), trực thuộc Bộ Tư pháp. Đến nay, sau hơn 47 năm phát triển, Việt Nam chứng kiến một sự tăng trưởng nhanh chóng về số lượng các cơ sở đào tạo chuyên ngành Luật. Năm 2000, Việt Nam có khoảng 10 đơn vị đào tạo luật, đến giai đoạn 2015 - 2016 đã có gần 50 cơ sở đào tạo luật và con số này đã đạt đến gần 100 vào năm 2022⁴. Việc tăng lên nhanh chóng về số lượng các cơ sở đào tạo ở Việt Nam thể hiện nhu cầu xã hội lớn về đào tạo chuyên ngành Luật.

Mô hình tổ chức đào tạo các chuyên ngành Luật ở nước ta hiện nay về cơ bản cũng giống như các nước trên thế giới, bao gồm các trường đại học chuyên về luật và các khoa, trường thuộc các đại học lớn. Ngoài ra, có một số cơ sở đào tạo cử nhân luật mang tính đặc thù, như: Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Học viện An ninh nhân dân, Học viện Tòa án,

Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội. Các cơ sở này mặc dù đào tạo cán bộ của từng ngành đặc thù trong hệ thống cơ quan tư pháp nhà nước nhưng một số ngành đào tạo của các cơ sở này vẫn cấp bằng cử nhân luật cho sinh viên đầu ra. Đào tạo các ngành Luật trình độ đại học ở Việt Nam đang được xem xét như các ngành đào tạo khác, với vai trò của Bộ Giáo dục và Đào tạo là thực hiện chức quản lý nhà nước về hoạt động đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Từ thực tiễn, những năm qua, việc đào tạo cử nhân ngành Luật ở Việt Nam vẫn còn nhiều mặt hạn chế khi chất lượng của chương trình đào tạo chưa được kiểm soát chặt chẽ; còn khá chú trọng lý thuyết, thời lượng thực hành và thực tập không nhiều; ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào ngành Luật không thống nhất; chất lượng đội ngũ giảng viên luật chưa đồng đều, một số cơ sở đào tạo có tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ còn thấp; phương pháp giảng dạy luật chậm đổi mới... Ngoài ra, yêu cầu cơ sở vật chất đối với đào tạo ngành Luật không nhiều, đầu tư ít tốn kém, các cơ sở đào tạo muốn mở đào tạo luật chủ yếu tập trung vào công tác xây dựng chương trình đào tạo và đội ngũ giảng viên chuyên môn ngành Luật.

Nhằm khắc phục những hạn chế nêu trên, ngày 18/01/2022 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Quy định này có những quy định riêng, đặc thù với những đòi hỏi cao hơn các ngành đào tạo thông thường. Quyết định số 436/QĐ-TTg ngày 30/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học, giai đoạn 2020 - 2025 xây dựng và ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo đối với các trình độ của giáo dục đại học; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp, hiệp hội liên quan xây dựng và ban hành các quy

định, văn bản để chỉ đạo, hướng dẫn các hội đồng tư vấn khối ngành thực hiện xây dựng chuẩn chương trình đào tạo cho các ngành, khối ngành của từng lĩnh vực trong giáo dục đại học, trong đó có khối ngành pháp luật.

Tiếp đến, Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, trong đó quy định: Bộ chủ quản chịu trách nhiệm lựa chọn cơ quan, đơn vị thuộc hoặc trực thuộc có uy tín, ảnh hưởng lớn trong lĩnh vực đào tạo liên quan, có năng lực và kinh nghiệm trong phát triển và bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo để giao nhiệm vụ tổ chức các hoạt động xây dựng chuẩn chương trình đào tạo của khối ngành.

4. Giải pháp bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực pháp luật đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn mới

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật cung cấp cho các cơ quan tư pháp, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, Nhà nước cần thể chế hóa kịp thời các chủ trương của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp đáp ứng yêu cầu tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã được thể hiện trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết số 27-NQ/TW và trong các quy định của pháp luật khác về đào tạo nguồn nhân lực pháp luật.

Thứ hai, cần quy hoạch, rà soát và sắp xếp lại các cơ sở đào tạo chuyên ngành Luật. Nhà nước đẩy mạnh việc đầu tư phát triển các cơ sở đào tạo ngành Luật, như: Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo nguồn nhân lực pháp luật theo đúng chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 49/NQ/TW để thực hiện công tác đào tạo nguồn nhân lực pháp luật đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn mới. Sớm hoàn thành việc xây dựng quy định về tiêu chuẩn cơ sở giáo dục đại học bao gồm chuẩn chung, chuẩn tối thiểu

cho một trường đại học, trong đó có bộ chỉ số chất lượng lĩnh vực đào tạo pháp luật để thực hiện quy hoạch, sắp xếp loại bỏ những cơ sở đào tạo yếu kém. Phát huy thế mạnh của các cơ sở giáo dục đại học thuộc các cơ quan tư pháp trong việc đào tạo nguồn nhân lực pháp luật cung cấp cho các cơ quan tư pháp theo hướng tập trung phát triển các chuyên ngành đào tạo hẹp thuộc lĩnh vực pháp luật mà chuẩn đầu ra tiệm cận với các yêu cầu đặc thù của cán bộ tư pháp, đặc biệt là yêu cầu về bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp, kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với từng chức danh tư pháp.

Thứ ba, hoàn thành việc xây dựng chuẩn chương trình đào tạo. Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhất dân tối cao và các bên có liên quan cần đẩy nhanh tiến độ xây dựng chuẩn chương trình đào tạo cho khối ngành pháp luật. Trước mắt, các cơ sở đào tạo luật cần rà soát, điều chỉnh chương trình đáp ứng quy định về chuẩn chương trình đào tạo đối với khối ngành pháp luật theo quy định hiện hành, bao gồm đầy đủ các thành phần quy định về bảo đảm chất lượng của một chương trình đào tạo: đầu vào, nội dung, phương pháp tổ chức dạy, học (thời lượng đào tạo thực hành, thực tập nghề nghiệp), kiểm tra đánh giá, chuẩn đầu ra và các điều kiện bảo đảm chất lượng.

Chuẩn chương trình đào tạo luật ở trình độ đại học cần quy định nội dung, thời lượng thực hành, thực tập nghề nghiệp, quy định điều kiện đối với cơ sở thực hành, thực tập nghề nghiệp dành thời lượng để tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao kiến thức thực tế, kỹ năng hành nghề luật nói chung và thực tế hoạt động tư pháp nói riêng; đồng thời, cũng cần quy định các hoạt động giáo dục bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức công dân và đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng ngoại ngữ, tin học cho sinh viên. Riêng đối với nhiệm vụ giáo dục về đạo đức nghề nghiệp, các cơ sở đào tạo cần sử dụng đồng bộ các hoạt động giáo dục và đào tạo, bảo đảm cho

người học sau khi tốt nghiệp có thái độ tôn trọng pháp luật, tuân thủ đúng các quy chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề luật nói chung và của người cán bộ tư pháp nói riêng.

Thứ tư, phát triển đội ngũ giảng viên luật. Trong đó, thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cho việc đào tạo nâng cao trình độ giảng viên ở các cơ sở giáo dục đại học. Nhà nước cần có chính sách ưu tiên xét duyệt đào tạo trình độ tiến sỹ đối với các giảng viên ngành Luật trong các chương trình học bổng của Chính phủ và học bổng diện hiệp định.

Các cơ sở đào tạo cần có kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, ưu tiên lựa chọn giảng viên ngành Luật để cử đi học tiến sỹ theo các chương trình hỗ trợ học bổng của Nhà nước. Có kế hoạch tổ chức cho giảng viên chuyên ngành Luật đi thực tế tại các cơ quan tư pháp, các tổ chức hành nghề luật khác để tăng cường kiến thức thực tế và có những hoạt động thực tiễn có ích đóng góp cho cộng đồng. Ngoài ra, cần đẩy mạnh gắn kết giữa các cơ quan, tổ chức hành nghề luật trong triển khai nghiên cứu khoa học để tăng cường năng lực đội ngũ giảng viên của các cơ sở đào tạo luật và có những sản phẩm khoa học, giải pháp hữu ích, cải tiến, đổi mới quy trình thực hiện ở các cơ quan, tổ chức hành nghề luật.

Thứ năm, tăng cường cơ chế kiểm soát chất lượng đào tạo ngành Luật. Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật về quản lý đào tạo các trình độ của giáo dục đại học nói chung, trong đó có quy định về quản lý đào tạo ngành Luật, tổ chức thực hiện có hiệu quả, đồng bộ, kịp thời để kiểm soát tốt chất lượng đào tạo từ phía cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan chủ quản. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc duy trì các điều kiện mở ngành đào tạo chuyên ngành Luật, việc xác định và thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học ngành Luật. Đổi mới công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo luật và việc thực hiện chuẩn chương trình đào tạo luật. Đồng thời, đẩy nhanh

chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục đại học, sớm hoàn thành cơ sở dữ liệu giáo dục. Đây là công cụ rất quan trọng để kiểm soát các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục đại học nói chung, trong đó có đào tạo ngành Luật nói riêng.

Các cơ sở đào tạo này cũng cần triển khai xây dựng cơ chế kiểm soát và bảo đảm chất lượng nội bộ, triển khai tự đánh giá chất lượng cơ sở đào tạo, chất lượng chương trình đào tạo luật theo bộ tiêu chuẩn kiểm định cơ sở đào tạo, bộ tiêu chuẩn kiểm định chương trình đào tạo và chuẩn chương trình đào tạo đối với khối ngành Luật □

Chú thích:

1. *Phát triển nhân lực xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật của ngành Tư pháp*. <https://tcnn.vn>, ngày 29/9/2020.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021, tr.287.

3. *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.

4. *Quyết định số 322/QĐ-TTg ngày 19/4/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo cán bộ khoa học, kỹ thuật tại các cơ sở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước”*.

Tài liệu tham khảo:

1. *Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học*.

2. *Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam*.

3. *Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học*.

4. *Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*.

5. *Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ*.